


## PHỤ LỤC 17

(Kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương)

### PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

<b>ZINC OXIDE</b>		Logo của doanh nghiệp	
Số CAS: 1314-13-2 Số UN: 3077 Số đăng ký EC: Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):			
<b>I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT</b>			
Tên thường gọi của chất: Oxit kẽm		Mã sản phẩm (nếu có)	
Tên thương mại: Zinc Oxide			
Tên khác (không là tên khoa học):			
Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ:		Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: <b>CTy TNHH TM DV XNK Khánh An Sài Gòn</b> 30/17 HT31, KP01, P.Hiệp Thành, Quận 12, TP.HCM Điện thoại: 028-6683.4499	
Tên nhà sản xuất và địa chỉ:			
Mục đích sử dụng: hoá chất phòng thí nghiệm, công nghiệp và chỉ sử dụng chuyên nghiệp			
<b>II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT</b>			
Tên thành phần	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Oxit kẽm	1314-13-2	ZnO	98%
<b>III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT</b>			
<b>1. Mức xếp loại nguy hiểm</b> (theo số liệu hợp lệ có sẵn của các quốc gia, tổ chức thử nghiệm. Ví dụ: EU, Mỹ, OSHA...)			
<b>2. Cảnh báo nguy hiểm</b>			
- Rất độc cho đời sống thủy sinh với tác dụng lâu dài.			
- Ô xy hóa mạnh, ăn mòn mạnh, biến đổi tế bào gốc, độc cấp tính mãn tính đối với môi trường thủy sinh;			
- Lưu ý khi tiếp xúc, bảo quản, sử dụng.			
<b>3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng</b>			
- Đường mắt: Bụi vào mắt sẽ gây kích ứng			
- Đường thở: Việc hít phải lâu ngày có thể có hại. Việc hít phải bụi có thể dẫn đến kích ứng hô hấp.			
- Đường da: Được xem là không gây các tác dụng có hại khi tiếp xúc với da			
- Đường tiêu hóa: Được xem là có hiểm họa ăn phải thấp			
<b>IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ</b>			
<b>1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt</b> (bị văng, dây vào mắt)			
Rửa kỹ với nhiều nước trong ít nhất 15 phút và tham khảo ý kiến bác sĩ.			

## 2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da)

Rửa sạch bằng xà bông và nhiều nước. Tham khảo ý kiến bác sĩ.

## 3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí)

Di chuyển nạn nhân vào không khí trong lành. Nếu không thở, hãy hô hấp nhân tạo. Tham khảo ý kiến bác sĩ.

## 4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất)

Không bao giờ cho bất cứ điều gì vô miệng của một người đã bất tỉnh. Súc miệng bằng nước. Tham khảo ý kiến bác sĩ.

## 5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị (nếu có)

### V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

#### 1. Xếp loại về tính cháy (dễ cháy, rất dễ cháy hoặc cực kỳ dễ cháy, không cháy, khó cháy...)

#### 2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy

#### 3. Các tác nhân gây cháy, nổ (tia lửa, tĩnh điện, nhiệt độ cao, va đập, ma sát...)

#### 4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác

Sử dụng bình xịt nước, bọt chống cồn, hóa chất khô hoặc carbon dioxide. Không dùng vòi xịt nước để dập lửa, vì việc này sẽ gây lan thêm lửa.

#### 5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy

Phải sử dụng thiết bị thở tự điều khiển và trang phục bảo hộ đầy đủ khi chữa cháy.

#### 6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có)

Sử dụng bụi nước để làm mát các bình chứa không mở.

Sử dụng các quy trình chữa cháy tiêu chuẩn và xem xét các hiểm họa của các vật liệu liên quan khác.

### VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

#### 1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ

Quét hoặc hút các vật liệu bị đổ và thu gom vào bình chứa thích hợp để tiêu hủy. Xúc và cho vào một dụng cụ đựng để thu hồi hoặc thải bỏ.

#### 2. Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng

Ngăn dòng chảy vật liệu nếu việc này không gây nguy hiểm. Thu gom lượng tràn đổ. Ngăn chặn trước lượng tràn đổ để thu gom thải bỏ sau này. Nếu cần quét khu vực nhiễm chất hãy sử dụng một chất ức chế bụi không phản ứng với sản phẩm này. Thu gom bụi bằng máy hút bụi có bộ lọc HEPA. Tránh tạo ra bụi khi dọn dẹp. Ngăn ngừa xâm nhập vào sông rạch, cống rãnh, tầng hầm nhà hoặc các khu vực giới hạn. Sau khi thu hồi sản phẩm, dùng nước xả sạch khu vực.

### VII. YÊU CẦU VỀ CÁT GIỮ

#### 1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm (thông gió, chỉ dùng trong hệ thống kín, sử dụng thiết bị điện phòng nổ, vận chuyển nội bộ...)

Đề xa những người không cần thiết. Giữ mọi người tránh xa khỏi khu vực tràn đổ, rò rỉ và tránh hướng gió thổi. Đề xa các khu vực thấp. Sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân phù hợp. Tránh hít bụi từ vật liệu đã đổ. Mang mặt nạ chống bụi nếu bụi hình thành trên các giới hạn tiếp xúc. Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ.

#### 2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản (nhiệt độ, cách sắp xếp, các hạn chế về nguồn gây cháy, nổ, các chất cần tránh bảo quản chung...)

Sản phẩm này không trộn lẫn với nước. Bảo quản trong dụng cụ đựng thật kín, để ở nơi thông khí

tốt. Ngăn tích tụ bụi của vật liệu này. Tránh xa các vật liệu tương kỵ.

## VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

**1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết** (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc ...)

Cung cấp ống xả thông gió thích hợp tại nơi bụi được tạo thành. Không hít bụi. Tránh tiếp xúc lâu. Nên thao tác trong các hệ thống kín, nếu có thể được. Trong trường hợp không đủ thông thoáng, sử dụng thiết bị bảo vệ đường hô hấp phù hợp. Tránh phát tán ra môi trường.

**2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc**

- Bảo vệ mắt: kính an toàn có tấm chắn bên phù hợp để bảo vệ mắt được thử nghiệm và được phê duyệt theo các tiêu chuẩn chính phủ phù hợp như NIOSH (Hoa Kỳ) hoặc EN 166 (EU).

- Bảo vệ thân thể: quần áo không thấm nước, găng tay phải được kiểm tra trước khi sử dụng. Sử dụng kỹ thuật loại bỏ găng tay thích hợp (không chạm vào bề mặt bên ngoài của găng tay) để tránh tiếp xúc với da với sản phẩm này. Vứt bỏ găng tay bị nhiễm bẩn sau khi sử dụng, rửa và lau khô tay.

- Bảo vệ hô hấp: sử dụng mặt nạ và các thành phần được kiểm tra và phê duyệt theo các tiêu chuẩn chính phủ phù hợp như NIOSH (US) hoặc CEN (EU).

**3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố**

**4. Các biện pháp vệ sinh** (tắm, khử độc...)

## IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý: dạng bột	Điểm sôi (°C): không có
Màu sắc: màu trắng	Điểm nóng chảy (°C): không có
Mùi đặc trưng: không áp dụng	Điểm bùng cháy (°C) (Flash point) theo phương pháp xác định: không có
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: không có	Nhiệt độ tự cháy (°C)
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: không có	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): không áp dụng
Độ hòa tan trong nước: tan nhẹ	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): không áp dụng
Độ PH	Tỷ lệ hóa hơi
Khối lượng riêng (kg/m <sup>3</sup> )	Các tính chất khác nếu có

## X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

**1. Tính ổn định** (độ bền nhiệt, độ nhạy với tác nhân ma sát, va đập...)

Sản phẩm ổn định và không phản ứng trong các điều kiện sử dụng, bảo quản và vận chuyển bình thường.

**2. Khả năng phản ứng:**

- Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy;

- Các phản ứng nguy hiểm (ăn mòn, cháy, nổ, phản ứng với môi trường xung quanh): các tác nhân oxy hóa mạnh.

- Các chất có phản ứng sinh nhiệt, khí độc hại, các chất không bảo quản chung ...);

- Phản ứng trùng hợp.

## XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
----------------	-------------	---------	----------------	--------------

Oxit kẽm	LD50	7950mg/kg	Miệng	Chuột
	LC50	2500mg/m <sup>3</sup>	Hít	

**1. Các ảnh hưởng mãn tính với người (Ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen ...)**

Tiếp xúc quá mức với bụi có thể hít phải của silic dioxyt tinh thể (thạch anh hay cristobalit, kích thước từ 5 micron trở xuống) có thể dẫn đến bị bệnh bụi phổi silic ở người, là một bệnh phổi tiến triển và không thể hồi phục.

**2. Các ảnh hưởng độc khác**

Gây tổn thương cho các cơ quan (phổi) nếu tiếp xúc lâu dài hoặc nhiều lần

**XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI**

**1. Độc tính với sinh vật**

Tên thành phần	Loại sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng	Kết quả
Oxit kẽm	Thủy sinh		Độc

**2. Tác động trong môi trường**

- Mức độ phân hủy sinh học: không có dữ liệu
- Chỉ số BOD và COD: không có thông tin
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học
- Mức độ tích của sản phẩm phân hủy sinh học

**XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ**

**1. Thông tin quy định tiêu hủy (thông tin về luật pháp)**

Vứt bỏ tuân theo tất cả các quy định hiện hành.

**2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải**


**3. Biện pháp tiêu hủy**

Thu gom và tái chế hoặc thải bỏ trong các dụng cụ đựng kín tại các bãi rác thải được phép. Không để vật liệu này chảy vào đường ống thoát nước/nguồn nước. Không làm nhiễm bẩn các ao nước, luồng nước hoặc hệ thống mương rãnh bởi các chất hoá học hoặc các thùng chứa đã qua sử dụng Vứt bỏ vật chứa bên trong/thùng chứa tuân theo các quy định địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế.

Các thùng chứa rỗng cần được đưa tới cơ sở đủ tiêu chuẩn để tái chế hoặc loại bỏ Vì các dụng cụ đựng đã cạn vẫn có thể còn lại cạn sản phẩm, thực hiện dán nhãn cảnh báo ngay cả sau khi dụng cụ đựng đã cạn.

**4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý**

**XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN**

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương	3077		9	III		Chưa có thông tin

tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.						
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA...						

### **XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ**

- 1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới** (liệt kê các danh mục quốc gia đã tiến hành khai báo, tình trạng khai báo)
- 2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký**
- 3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ**

### **XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC**

Ngày tháng biên soạn Phiếu:

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 22-12-2018

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: Công ty TNHH TM DV XNK Khánh An Sài Gòn

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc